TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 2

PHIẾU SỐ 46

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 28, 32, 36, ……, 44, 48

A. 39 **B.** 44 **C.** 40 **D.** 41

Câu 2. Số 39 thêm 4 chục thì được số:

A. 80 **B.** 43 **C.** 79 **D.** 89

Câu 3. Trong phép trừ 93 − 18 = 75, số 75 được gọi là:

A. số trừ **B.** số hạng **C.** hiệu **D.** số bị trừ

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ……. + 28 = 77

A. 45 **B.** 59 **C.** 49 **D.** 39

Câu 5. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 2 giờ 30 phút **B.** 12 giờ 30 phút

C. 1 giờ 30 phút **D.** 1 giờ 15 phút

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 9 **B.** 8 **C.** 10 **D.** 11

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 14, 72, 44, 67, 40.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 92, 90, 88, 86, ……, ……

b) 83, 72, 61, 50, ……, ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 26 + 28 = ……

b) 42 + 9 = ……

c) 61 − 19 = ……

d) 60 − 7 = ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

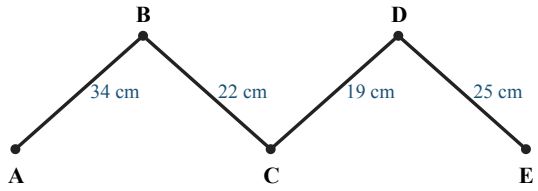
a) 2 dm = …… cm

b) 70 cm = …… dm

c) 5 dm 6 cm = …… cm

d) 2 dm + 30 cm = …… cm

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Linh có 43 nhãn vở. Linh cho Nam 16 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Linh 10 nhãn vở. Hỏi lúc này Linh có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Nam, Linh còn: …… nhãn vở

b) Lúc này Linh có: …… nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 46

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	C	C	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 14, 40, 44, 67, 72

b) 72 − 14 = 58

Bài 2.

a) Bớt 2 mỗi lần: 84, 82

b) Bớt 11 mỗi lần: 39, 28

Bài 3.

a) 26 + 28 = 54

b) 42 + 9 = 51

c) 61 − 19 = 42

d) 60 − 7 = 53

Bài 4.

a) 20

b) 7

c) 50 + 6 = 56

d) 20 + 30 = 50

Bài 5.

a) 34 + 22 + 19 + 25 = 100 (cm)

b) 100 cm = 10 dm

Bài 6.

Sau khi cho: 43 − 16 = 27 (nhãn vở)

Lúc này: 27 + 10 = 37 (nhãn vở)